

Số: ~~1881~~/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~07~~ tháng ~~10~~ năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130
(San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thành
phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:
Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai
Châu tại Tờ trình số ~~652~~/TTr-TNMT ngày ~~04~~/10/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Đoàn Quang Thiện –
Cư trú tại: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là:
44.128.022 đồng.

*(Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn không trăm hai
mươi hai đồng)*

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao
đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc
niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ
ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ

thì hộ gia đình ông Đoàn Quang Thiện có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

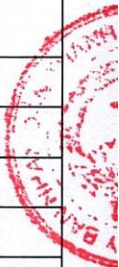


BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)

(Kèm theo Quyết định số: 1881 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
1	Hộ gia đình ông Đoàn Quang Thiện					
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				44.128.022	
a	Về đất					143.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	4,1			
2	Loại đất:					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	4,1	35.000	143.500	
	Vị trí: vị trí 1					
	Nguồn gốc: Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BC 468284 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 12/7/2013. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp					
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Đoàn Quang Thiện tạo lập vào năm 2016 trên phần đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, đúng mục đích sử dụng đất)					42.640.522
	<i>Tài sản nằm trên đất thu hồi</i>					
1	Kè đá xây (6*2.9*0.6)	m3	10,44	392.700	4.099.788	
2	Tường xây gạch bi T22cm (6*0.6)	m2	3,60	149.600	538.560	
3	Tường xây gạch bi T12cm (6*0.7)	m2	4,20	127.600	535.920	
4	Trụ BTCT (1.8*0.4*0.4)*6	m3	1,73	1.393.700	2.408.314	
5	Hàng rào BTCT (0.9*6*0.2)	m3	1,08	1.393.700	1.505.196	
	<i>Tài sản đơn vị thi công hỗ trợ</i>					
1	Tường xây gạch bi T22cm (11,5*0.6)	m2	6,90	149.600		Không bồi thường
2	Tường xây gạch bi T12cm (11,5*0.7)	m2	8,05	127.600		
3	Hàng rào BTCT (0.9*9*0.2)	m3	1,62	1.393.700		
4	Ống cuốn D= 100 - 300 cm	m	20,00	144.100		
	<i>Tài sản nằm trên đất công cộng</i>					
1	Kè đá xây (0.6*2.9*11)	m3	19,14	392.700		tài sản trên đất công cộng không bồi thường
2	Kè đá xếp khan (5*0.5*0.3)	m3	0,75	141.900		
3	Kè đá xếp khan (5*0.5*0.3)	m3	0,75	141.900		
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (15*1.5)	m2	22,50	83.600		
5	Tường xây gạch bi T12cm (2*4)	m2m	8,00	127.600		
6	Ống nhựa PVC φ 110 (đi qua đất Nông Văn Vinh và Vàng Thị Mấy)	m	260,00	61.200	15.912.000	
7	Cút nối thẳng PVC φ 110	Cái	60,00	26.400	1.584.000	
8	Đào đất thủ công (260*1*0.5) (chôn đường ống nước)	m3	130,00	82.500	10.725.000	
	<i>Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được</i>					
1	Kè đá xây (2.2*0.6*2.9)	m3	3,828	392.700	1.503.256	
2	Kè đá xây (3.4*2.5*0.8)	m3	6,80	392.700	2.670.360	
3	Tường xây gạch bi tường 22 cm (0.6*3.4)	m2	2,04	149.600	305.184	
4	Hàng rào BTCT (3.4*0.9*0.2)	m3	0,61	1.393.700	852.944	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
c	Về cây cối hoa màu				1.344.000	
1	Cây đào tiên R=2-4 m	cây	2,0	480.000	960.000	
2	Cây gỗ lát D=10-25cm	cây	1,0	300.000		Cây trồng trên đất công cộng không bồi thường
3	Cây tùng	cây	3,0	42.000		
4	Cây đa cảnh	cây	1,0	192.000		
5	Cây lộc vừng	cây	3,0	192.000		
6	Cây si cảnh	kg	1,0	192.000		
7	Cây cau vua	cây	1,0	192.000		
8	Cây trúc	cây	10,0	30.000	300.000	Cây trồng hàng rào
9	Cây Xoan D= 10-25 cm	cây	2,0	42.000	84.000	



